

HIỆN TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ TẠI MỘT SỐ CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH ĐẮK NÔNG

Phạm Văn Hiền

Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh

MỞ ĐẦU

Đắk Nông là một tỉnh miền núi nằm ở phía Tây Nam vùng Tây Nguyên, phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Đắk Lắk, phía Đông và Đông Nam giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Nam giáp tỉnh Bình Phước, phía Tây giáp Campuchia với 130 km đường biên giới. Địa hình đa dạng, xen kẽ giữa các loại địa hình thung lũng, cao nguyên và núi cao. Dân số toàn tỉnh có 516.300 người, trong đó dân số đô thị gần 78.300 người (chiếm 15,2%), dân số nông thôn 438.000 người. Thành phần dân tộc của tỉnh Đắk Nông khá đa dạng, gồm 40 dân tộc anh em (Tổng cục thống kê Việt Nam, 2012). Dân tộc thiểu số khoảng 139.865 người, chiếm 30,60%; dân tộc thiểu số tại chỗ có 49.300 người (Mạ: 6.509 người, M'Nông: 37.617 người, Ê đê 5.174 người), chiếm 10,78% so với dân số toàn tỉnh (Ban dân tộc tỉnh Đắk Nông, 2009).

Trong thời gian qua, Nhà nước đã có nhiều chính sách hỗ trợ cho phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Các chương trình, dự án hỗ trợ từ trong và ngoài nước mang lại hiệu quả chưa cao, đời sống người dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, nhất là cộng đồng sống vùng sâu, vùng xa.

Cùng với đó là sự di dân tự do ồ ạt của đồng bào dân tộc phía Bắc và người Kinh từ miền xuôi lên và những chính sách vĩ mô còn bất cập, đã và đang tác động tiêu cực đến hệ thống canh tác nương rẫy của người dân bản địa, nền sản xuất cũ trở nên lạc hậu, năng suất cây trồng, vật nuôi thấp, bấp bênh; trong khi nền sản xuất mới với nhiều tiến bộ kỹ thuật không đến được với người dân, sự tụt hậu trong sản xuất nông nghiệp và thiếu giải pháp kinh tế - xã hội, văn hóa phù hợp, nên số hộ nghèo còn cao. Vì vậy, việc triển khai thực hiện đề tài “*Hiện trạng và giải pháp phát triển kinh tế hộ tại một số cộng đồng dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông*” là hết sức cần thiết.

NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Nội dung nghiên cứu

- Hiện trạng nông hộ tại năm cộng đồng dân tộc M'Nông, Mạ, H'mông, Tày và Nùng tỉnh Đắk Nông.
- Phân tích những yếu tố hạn chế ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hộ tại các cộng đồng dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông.
- Đề xuất các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế hộ tại các cộng đồng dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông.

- Xây dựng năm mô hình thử nghiệm tại năm cộng đồng dân tộc thiểu số.

- Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của năm mô hình mới.

2. Phương pháp nghiên cứu

- Đánh giá nông thôn có sự tham gia (Participatory Rural Appraisal-PRA).

- Phòng vấn bán chính thức và chính thức nông hộ với phiếu chuẩn bị sẵn.
- Phân tích SWOT (Strength, Weakness, Opportunities, Threat).
- Phân tích khung sinh kế bền vững áp dụng cho phân tích những yếu tố hạn chế đến sự phát triển kinh tế hộ của người đồng bào dân tộc thiểu số.
- Phương pháp xếp hạng cho điểm định lượng sự đồng thuận của người dân.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Hiện trạng phát triển kinh tế hộ tại năm cộng đồng dân tộc tỉnh Đắk Nông

Năm cộng đồng dân tộc tại các điểm nghiên cứu có nhiều nhân khẩu, trung bình khoảng từ 5 - 7 người/hộ, cung cấp một lượng lớn lao động phục vụ cho sự phát triển nông nghiệp tại địa phương, nhưng lại là gánh nặng nông hộ nhiều trẻ em.

Bảng 1: Số nhân khẩu gia đình của 5 cộng đồng điều tra năm 2010

Chỉ tiêu	Giá trị				
	M'ông	Mạ	H'mông	Tày	Nùng
Tổng số hộ điều tra	80	80	80	80	80
Tổng số nhân khẩu	456	496	568	392	408
Số người/hộ gia đình	5,7	6,2	7,1	4,9	5,1

Hầu hết gia đình của 5 cộng đồng dân tộc tại các điểm nghiên cứu đều mong muốn có đông con để có nhiều lao động, hộ có số người từ 5 nhân khẩu trở lên chiếm từ 48,75 - 85%, trong đó người H'mông có số người từ 5 nhân khẩu trở lên trong mỗi hộ chiếm tỷ lệ cao nhất (85%) và thấp nhất là dân tộc Tày (48,75%), dạng nhân khẩu 2 người/hộ đã xuất hiện trong mẫu khảo sát ở 2 cộng đồng dân tộc Tày và Nùng.

2. Những yếu tố hạn chế ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hộ tại các cộng đồng dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông

Kết quả điều tra hiện trạng cho thấy, bình quân chung diện tích đất/hộ của 5 cộng đồng là 1,1 ha; trong đó nhiều nhất là dân tộc M'ông (1,45ha/hộ), còn các dân tộc H'mông, Tày, Nùng tại huyện Cư Jút ít hơn.

Về tài chính, hộ Tày, Nùng có vốn tài chính cao hơn các nhóm còn lại, một số hộ có vay nợ ngân hàng, tuy nhiên số hộ này không nhiều.

Vốn xã hội của nông hộ thể hiện qua việc các hộ là thành viên của các tổ chức hội, đoàn thể hay các tổ chức tự nguyện khác. Theo kết quả điều tra, chỉ có 24% các chủ hộ là thành viên của một trong các hội như: Nông dân, Cựu chiến binh, Phụ nữ. Các tổ chức hội, đoàn này thường tổ chức các sinh hoạt nhằm chia sẻ thông tin về chính sách Nhà nước, thị trường hay hỗ trợ nhau về vốn. Các hoạt động xã hội càng nhiều, quan hệ xã hội càng rộng, vốn xã hội càng gia tăng.

3. Đề xuất các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế hộ tại các cộng đồng dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông

- Người M'ông tại huyện Đắk Song

Huyện Đắk Song có diện tích 80.810 ha, với 58.669 nhân khẩu. Huyện có 20 dân tộc anh em sinh sống là: Kinh, M'ông, Êđê, Tày, Nùng, Châu Ro,... Người M'ông là người dân bản địa đông nhất. Kết quả phỏng vấn nhóm 15 nông dân am hiểu, theo phương pháp cho điểm, những vấn đề nông dân quan tâm trong sản xuất nông nghiệp ghi nhận bảng 2.

Bảng 2: Xếp hạng vấn đề nông dân người M'ông quan tâm

Vấn đề	Tổng điểm	Xếp hạng
Rẫy diện tích nhỏ, xa nhau	75	I
Không có đất trồng lúa nước	72	II
Giống sản xấu	68	III
Đất dốc	65	IV
Thiếu vốn mua vật tư nông nghiệp	56	V

Đề tài xây dựng mô hình thực nghiệm giống sản triển vọng bổ sung vào cơ cấu giống sản của địa phương nhằm nâng cao chất lượng giống và tăng năng suất sản.

- Người H'mông và Mạ tại huyện Đắk G'long

H'mông là dân tộc nhập cư vào tỉnh Đắk Nông có truyền thống canh tác nương rẫy xen canh cây trồng đa dạng trên nương rẫy. Dân tộc Mạ là dân tộc bản địa sống chủ yếu dựa vào rừng và nương rẫy. Canh tác xen canh dưới tán rừng chưa được nghiên cứu và thử nghiệm tại huyện Đắk G'long.

Kết quả phỏng vấn nhóm 10 nông dân và 5 cán bộ địa phương, theo phương pháp cho điểm có trọng số, những vấn đề nông dân quan tâm trong sản xuất nương rẫy được ghi nhận bảng 3.

Bảng 3: Xếp hạng vấn đề nông dân người H'mông và Mạ quan tâm

Vấn đề	Tổng điểm	Xếp hạng
Chăn nuôi gia súc, gia cầm kém phát triển, dịch bệnh nhiều	73	I
Cây cao su trồng thử tại địa phương phát triển tốt cần phát triển	72	II
Đất trồng lúa nước ít	70	III
Chưa có giống cây trồng mới, giống mới	68	IV
Diện tích đất canh tác ít	65	VI
Rẫy xa nơi cư trú	65	V

Trong sản xuất nông nghiệp người dân H'mông và Mạ tại huyện Đăk G'long khó khăn lớn nhất là chăn nuôi kém phát triển, dịch bệnh gây hại; hai là cây cao su mới đưa vào sản xuất thử phát triển tốt, người dân mong muốn được nhà nước đầu tư; ba là đất ruộng lúa ít, mặt dù nước tưới chủ động được.

Đề tài đã xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây sa nhân Tím dưới tán rừng cao su và rừng xoan tại Đăk G'long, đây là cây trồng mới có triển vọng đã được nghiên cứu ở vùng núi phía Bắc, Phú Yên, Gia Lai và Ninh Thuận; cây dễ trồng, thu nhập liên tục ổn định và kéo dài trong nhiều năm.

- Người Tày và Nùng tại huyện Cư Jú

Tày và Nùng là dân tộc di cư từ miền núi phía Bắc vào Tây Nguyên, tự nguyện không có sự hỗ trợ của Nhà nước, quyết tâm vượt qua đói nghèo, bản thân hai dân tộc này có kinh nghiệm sản xuất, chịu khó, trình độ học vấn đạt cấp 3 cao (> 55%) và có ý thức vươn lên trong phát triển kinh tế hơn các dân tộc bản địa tại Tây Nguyên. Chính vì vậy, năng suất cây trồng các loại đều cao, số hộ nghèo ít, đời sống vật chất và tinh thần cao hơn dân tộc tại chỗ.

Kết quả phỏng vấn nhóm 15 nông dân và 5 cán bộ địa phương, theo phương pháp cho điểm có trọng số, những vấn đề nông dân quan tâm trong sản xuất nông nghiệp được ghi nhận bảng 4.

Bảng 4: Xếp hạng vấn đề nông dân người Tày và Nùng quan tâm

Vấn đề	Tổng điểm	Xếp hạng
Thị trường tiêu thụ nông sản bấp bênh	75	I
Nông sản thu hoạch nhiều, công nghệ sau thu hoạch kém, phơi tự nhiên nhiều rủi ro khi trời mưa	70	II
Dịch bệnh nhiều trên gia súc gia cầm	66	III
Ngô, đậu trồng thuần, trồng xen chưa hợp lý trên đồng	65	IV
Thời tiết khí hậu bất thường	68	V

Trong sản xuất nông nghiệp người dân tại huyện Cư Jú quan tâm lớn nhất là sản lượng cây hoa màu đậu đỗ, ngô nhiều nhưng thị trường khá bấp bênh; nông sản thu hoạch hàng loạt nhưng phơi sấy phụ thuộc điều kiện thời tiết, tổn thất sau thu hoạch lớn; chăn nuôi rủi ro lớn do dịch bệnh và cơ cấu cây trồng ngô, đậu trên cánh đồng hoa màu chưa bền vững.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

- Hiện trạng sản xuất và đời sống năm cộng đồng dân tộc M'ông, Mạ, H'mông, Tày và Nùng còn nhiều khó khăn khác nhau ở mỗi cộng đồng; số nhân khẩu đông (6 - 7 người/hộ), lao động chính ít. Nguồn nhân lực của cộng đồng

M'ông, Mạ thấp hơn và cộng đồng dân tộc H'mông, Tày và Nùng. Trình độ học vấn người M'ông và Mạ thấp, tỷ lệ mù chữ cao (27,5%), khả năng tiếp cận tiến bộ kỹ thuật yếu, còn trông chờ, ỷ lại chính sách trợ giúp của Nhà nước.

- Năm nguồn vốn nhân lực, tài nguyên, vật lực, tài chính và xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hộ của năm cộng đồng dân tộc; nguồn vốn nhân lực và tài nguyên tự nhiên ảnh hưởng lớn nhất; cộng đồng người M'ông và Mạ có nguồn vốn tài nguyên cao (>1,2 ha/hộ) hơn các cộng đồng còn lại.

- Vấn đề khó khăn các cộng đồng quan tâm và đề tài có khả năng đề xuất giải pháp xây dựng mô hình phát triển kinh tế hộ đối với người M'ông là: mô hình giống sắn mới thay giống sắn cũ năng suất thấp (6,81 tấn/ha); đối với người Mạ và H'mông là: trồng cây Sa nhân tím dưới tán rừng cây cao su, rừng cây xoan chịu hạn; đối với người Tày là: mô hình xen canh 8 hàng đậu nành + 2 hàng ngô lai; và đối với người Nùng là: cải tiến lò sấy nông sản vĩ ngang.

- Hai giống sắn mới KM 419 và KM 140 sinh trưởng phát triển tốt trong điều kiện canh tác của địa phương, cho năng suất củ tươi (21,7 tấn/ha và 23,8 tấn/ha) cũng như hàm lượng tinh bột cao hơn giống đối chứng KM 325.

- Cây Sa nhân tím là cây dược liệu dễ trồng, khai thác được 7 - 8 năm, phù hợp tập quán hái lượm sản phẩm rừng của người Mạ, H'Mông, cây Sa nhân tím sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân. Trồng Sa nhân tím dưới tán rừng cao su, rừng xoan tại huyện Đăk G'long là mô hình hợp lý, che phủ đất tốt sau 2 năm trồng, cây xanh quanh năm sẽ giữ ẩm đất và chống cháy tốt.

- Mô hình trồng xen đậu nành + ngô lai mang lại hiệu quả kinh tế cao, lợi nhuận 22.963.000 đ/ha, hạn chế rủi ro, góp phần cải thiện dinh dưỡng đất.

- Lò sấy nông sản vĩ ngang cải tiến mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn lò sấy cũ, khối lượng nông sản sấy được trong một mẻ tăng gấp đôi (2 tấn/mẻ), không tốn công năngnhọc đảo nông sản trong quá trình sấy, lợi nhuận cao (250.000 đ/mẻ). Nông sản khô đều, chất lượng nông sản sau sấy cao hơn lò sấy cũ.

2. Kiến nghị

- Các kết quả mô hình thử nghiệm có thể áp dụng cho những vùng sinh thái - nhân văn tương tự.

- Bổ sung các giống sắn KM 419, KM 140 vào cơ cấu giống sản xuất để thay thế và khắc phục nhược điểm của giống sắn KM 325.

- Nghiên cứu đề xuất chính sách hỗ trợ cho nông dân cải tiến lò sấy vĩ ngang.

- Khuyến nông huyện đề xuất tiếp tục xây dựng dự án hỗ trợ cải tiến lò sấy vĩ ngang và đề xuất chính sách vay ưu đãi cho người đồng bào dân tộc thiểu số vay vốn xóa đói giảm nghèo để cải tiến lò sấy vĩ ngang.

- Khuyến nông tiếp tục mở rộng mô hình xen đậu nành + ngô lai và đưa vào kế hoạch khuyến nông hàng năm chương trình huấn luyện nâng cao nhận thức về đa dạng sinh học, mô hình trồng thuần.

(Trong trường hợp quý bạn đọc có nhu cầu tìm hiểu rõ hơn về đề tài hoặc tham khảo báo cáo đầy đủ của đề tài. Vui lòng liên hệ:

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đăk Nông. SĐT: 05013.600.333)